

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
QUÝ II NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	220	52,303	23,774	45,06
I	Số thu phí, lệ phí	220	52,303	23,774	45,06
1	Lệ phí				
2	Phí	220	52,303	23,774	45,061
2.1	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	10	1,6	16,000	
2.2	Phí hoạt động Thương mại	30	10,8	36,000	50,000
2.3	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	20	8	40,000	41,026
2.4	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	20	1,96	9,800	13,735
2.5	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	130	27,743	21,341	49,274
2.6	Phí Cấp GCNĐĐK Sản xuất rượu, thuốc lá	10	2,2	22,000	50,000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	184,00	35,0	19,02	42,81
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

2	Chi quản lý hành chính	184	35,0	19,02	42,81
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	184	35,0	19,02	42,81
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	36	9,75	27,07	44,97
1	Lệ phí				
2	Phí	36	9,75	27,07	44,97
2.1	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	1	0,16	16,00	
2.2	Phí hoạt động Thương mại	15	5,40	36,00	50,000
2.3	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	2	0,80	40,00	41,026
2.4	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	4	0,39	9,80	13,735
2.5	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	13	2,77	21,34	49,268
2.6	Phí Cấp GCN ĐDK Sản xuất rượu, thuốc lá	1	0,22	22,00	50,000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.837,857	1.598,206	30,730	109,704
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.107,057	1.161,006	19,011	53,794
1	Chi quản lý hành chính	6.107,057	1.161,006	19,011	53,794
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.576,857	1.159,543	20,792	99,658
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	530,2	1,463	0,276	28,743
2	Chi hoạt động kinh tế	3.730,8	437,2	11,7	55,9
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.891,8	334,3	17,7	68,0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.839,0	102,9	5,6	34,4

Ngày tháng 7 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

0,0			
0,0	1471,0		
0,0	7973,857		
0,0	14152		
0,0	530,2	3,11789	